



VV09.03733

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM

VIỆN NGHIÊN CỨU HÀN NÔM

Địa phương chí TỈNH BẮC NINH

QUA TƯ LIỆU
HÁN NÔM



Nhà xuất bản Khoa học Xã hội

240003

VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

ĐỊA PHƯƠNG CHỈ
TỈNH BẮC NINH
QUA TƯ LIỆU HÁN NÔM

Chủ biên

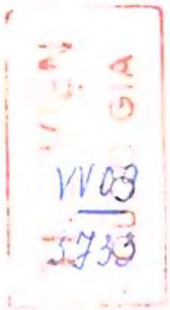
ĐINH KHẮC THUÂN

Hiệu đính

ĐINH KHẮC THUÂN - TRẦN THỊ KIM ANH

Dịch nghĩa

TRẦN THỊ KIM ANH, ĐÀO PHƯƠNG CHI;
NGUYỄN THỊ HƯỜNG, NGUYỄN TÔ LAN



MỤC LỤC

Lời giới thiệu	7
Lời nói đầu	9
BẮC NINH PHONG THỐ TẠP KÝ	15
Ký hiệu A.425	
Trần Thị Kim Anh dịch	
Đình Khắc Thuân hiệu đính	
BẮC NINH TOÀN TỈNH ĐỊA DƯ CHÍ	81
Ký hiệu A.2889	
Nguyễn Tô Lan dịch	
Trần Thị Kim Anh hiệu đính	
<i>Quyển Thượng: Địa dư</i>	82
<i>Quyển Trung: Nhân vật</i>	120
<i>Quyển Hạ: Cổ tích</i>	227
BẮC NINH TỈNH ĐỊA DƯ	289
Kí hiệu A.590	
Đào Phương Chi dịch	
Trần Thị Kim Anh hiệu đính	
BẮC NINH TỈNH KHẢO DỊ	323
Kí hiệu Paris. SA. HM.2167	
Nguyễn Thị Hường, Nguyễn Tô Lan dịch	
Đình Khắc Thuân hiệu đính	
BẢNG TRA TÊN NGƯỜI	480
NGUYÊN BẢN BẮC NINH PHONG THỐ TẠP KÝ	489

LỜI GIỚI THIỆU

Tư liệu Hán Nôm địa phương chí, bao gồm các tư liệu Hán Nôm khảo về địa dư các địa phương ở nước ta trong lịch sử.

Trong kho sách Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm có một lượng tư liệu địa phương chí khá đồ sộ, khoảng vài trăm quyển. Tư liệu dư địa chí sớm nhất ở nước ta hiện còn lưu giữ được là tác phẩm *Nam Việt dư địa chí* 南越輿地志 (còn gọi *An Nam vũ cống* 安南禹貢) của Nguyễn Trãi (1380 -1442) biên soạn vào thời Lê, tiếp đó là những sách địa dư được biên soạn dưới thời Lê - Trịnh và đặc biệt giai đoạn đầu triều Nguyễn thể địa chí rất phát triển. Tư liệu Hán Nôm địa phương chí bao gồm: Loại quốc chí, như: *Hồng Đức bản đồ* 洪德版圖 về năm Hồng Đức thứ 21 (1490), *Đại Việt địa dư toàn biên* 大越地輿全編 do Phương Đình Nguyễn Văn Siêu (1796 - 1872) biên tập, *Đại Nam nhất thống chí* 大南一統志 do Quốc sử quán triều Nguyễn biên soạn, *Đồng Khánh địa dư chí* 同慶地輿志 do quan chức các tỉnh biên soạn theo sắc chỉ của vua Đồng Khánh, *Các trấn tổng xã danh bị lãm* 各鎮總社名備覽 thời Gia Long (1802 - 1819), *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí* 皇越一統輿地志 do Lê Quang Định (1759 - 1813) biên soạn niên hiệu Gia Long năm Bính Dần (1806), *Hoàng Việt địa dư chí* 皇越地輿志 in năm Minh Mệnh thứ 14 (1833), v.v... Loại tỉnh chí, như: *Bắc thành địa dư chí lục* 北城地輿志錄 do Lê Chất (1769 - 1826) biên soạn và Nguyễn Văn Lí đề tựa năm Thiệu Trị thứ 5 (1845), *Cao Bằng kí lược* 高平記略 do Cao Phiên Phạm An Phú soạn năm Thiệu Trị thứ 4 (1845), *Gia Định thành thông chí* do Lê Quang Định (1759 - 1813) biên tập, *Hà Nội địa dư* 河內地輿 do Dương Bá Cung (1794 - 1818) biên soạn năm Tự Đức thứ 4 (1851), *Hải Dương tỉnh địa dư chí* 海陽省地輿志, *Hưng Hóa địa chí* 興化地志 do Phạm Thận Duật (1824 - 1885) biên soạn năm Tự Đức Bình Thìn (1856), *Ninh*

Bình tỉnh chí 寧平省誌, *Thanh Hóa tỉnh chí* 清化省志, v.v... Loại huyện chí (phủ chí), như: *Hoàn Long huyện chí* 環龍縣志 do Hoàng Đặng Quỳnh biên tập năm Duy Tân thứ 5 (1911), *Quế Dương huyện chí* 桂陽縣志, *Thanh Chương huyện chí* 清章縣志, *Thanh Hóa Vĩnh Lộc huyện chí* 清化永祿縣志, *Vĩnh Tường phủ địa dư chí* 永祥府地輿志, v.v... Loại xã chí (thôn chí), như: *An Hội thôn chí* 安會村志 do Bùi Dương Lịch (1758 - 1828) soạn, *Đông Ngạc xã chí* 東鄂社志, *Gia Cốc xã bản đồ* 嘉穀社版圖 vẽ năm Thiệu Trị thứ nhất (1841), v.v...

Tư liệu địa phương chí Hán Nôm là nguồn tư liệu phong phú phản ánh nhiều mặt về lịch sử, địa lý, danh nhân, danh tích, văn hóa, sản vật, con người và phong tục tập quán của từng địa phương. Nguồn tư liệu này đã được nhiều nhà nghiên cứu, nhiều công trình nghiên cứu quan tâm sử dụng, song phần lớn vẫn chưa được dịch chú, chỉnh lý và công bố một cách có hệ thống.

Trong chương trình nghiên cứu và dịch thuật nhằm xã hội hóa tư liệu Hán Nôm của Viện Nghiên cứu Hán Nôm, trong nhiều năm qua Viện đã hết sức chú trọng mảng tư liệu địa phương chí viết bằng chữ Hán chữ Nôm. Viện đã giao cho PGS.TS. Đinh Khắc Thuân tổ chức sưu tập, chỉnh lý và dịch chú các tư liệu địa phương chí Hán Nôm thuộc các tỉnh phía Bắc như Bắc Ninh, Hải Dương, Sơn Tây, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Bình, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa và Nghệ An. Trong kế hoạch xuất bản, năm 2008, biên tập và xuất bản hai tập địa chí Hán Nôm thuộc tỉnh Bắc Ninh và tỉnh Hải Dương. Số tư liệu địa phương chí Hán Nôm của các tỉnh khác sẽ được tiếp tục sưu tầm, biên dịch và chỉnh lý xuất bản trong những năm tiếp theo.

Xin trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc.

VIỆN NGHIÊN CỨU HÁN NÔM

VIỆN TRƯỞNG

PGS.TS Trịnh Khắc Mạnh

LỜI NÓI ĐẦU

Địa phương chí tỉnh Bắc Ninh qua tư liệu Hán Nôm là sưu tập tài liệu địa chí viết bằng chữ Hán, chữ Nôm về các địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh.

Tỉnh Bắc Ninh được đề cập trong tập sách này là đơn vị hành chính ở vào giai đoạn đầu triều Nguyễn, bao gồm các địa phương thuộc tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang và một số huyện thuộc Hưng Yên (Văn Giang, Văn Lâm), Hà Nội (Gia Lâm, Đông Anh), Phúc Yên (Đa Phúc)... ngày nay.

Vùng đất này thời Hùng Vương thuộc bộ Vũ Ninh, thời thuộc Hán thuộc quận Giao Chi (sau đổi là Giao Châu), thời thuộc Đường là lộ Bắc Giang. Đến thời Trần thế kỷ XIV, chia làm 2 lộ là Bắc Giang Thượng và Bắc Giang Hạ. Năm Quang Thuận thứ 7 (1466) đời vua Lê Thánh Tông lập bản đồ cả nước, chia làm 13 đạo thừa tuyên, cho nhập 2 lộ Bắc Giang Thượng và Hạ làm thành Bắc Giang thừa tuyên. Năm Quang Thuận thứ 10 (1469), đổi gọi là Kinh Bắc thừa tuyên có 4 phủ là Thuận An, Từ Sơn, Bắc Hà và Lạng Giang. Tổ chức hành chính này khá ổn định, tuy vào thời Mạc thế kỷ XVI có tách phủ Thuận An sang đạo Hải Dương, song sau đó đến đầu thế kỷ XVII, nhà Lê Trịnh đổi lại như cũ. Sang thời Nguyễn vào niên hiệu Gia Long, đổi gọi là trấn Kinh Bắc, năm Minh Mệnh thứ 3 (1822) gọi là trấn Bắc Ninh. Năm Minh Mệnh thứ 12 (1831) đổi gọi là tỉnh Bắc Ninh. Năm 1890 tách thành 2 tỉnh là Bắc Ninh và Lục Nam. Năm 1895, tỉnh Lục Nam đổi thành tỉnh Bắc Giang. Các địa danh hành chính này được duy trì đến những năm đầu thế kỷ XX. Tuy nhiên có một số điều chỉnh địa giới cụ thể trong tỉnh như năm 1903 tách 3 huyện Kim Anh, Đông Anh, Đa Phúc sang tỉnh Phúc Yên; tách huyện Văn Giang sang tỉnh Hưng Yên, tách huyện Hữu Lũng sang tỉnh Lạng Sơn.

Như vậy, tên gọi Bắc Ninh mới xuất hiện từ năm Minh Mệnh 12 thứ (1831), song vùng đất này đã có từ trước với các tên gọi khác nhau như Kinh Bắc, Bắc Giang...

Địa giới và tổ chức hành chính Kinh Bắc giai đoạn cuối Lê đầu Nguyễn được ghi trong sách *Các trấn tổng xã danh bị lãm*, kí hiệu A.570/1-2, bao gồm 4 phủ 20 huyện, 167 tổng, 1181 xã, phường trại.

Phủ Thuận An 4 huyện 346 xã, thôn.

Huyện Gia Lâm 10 tổng 78 xã: tổng Như Kinh 6 xã, Kim Sơn 13 xã, Đặng Xá 11 xã, Gia Thị 12 xã, Cự Linh 4 xã, Đông Dư 5 xã, Lạc Đạo 5 xã, Cô Biện 6 xã, Đa Tốn 9 xã, Nghĩa Trai 7 xã.

Huyện Siêu Loại 10 tổng 68 xã: Tổng Đình Tô 8 xã, Liễu Lâm 8 xã, Thượng Mão 11 xã, Đồng Xá 4 xã, Đề Cầu 5 xã, Ngọc Xá 8 xã, Dương Quang 6 xã, Khương Tự 12 xã, Đông Hồ 5 xã, Lạc Thổ 7 xã.

Huyện Văn Giang 9 tổng 61 xã: Tổng Hòa Bình 8 xã, Đại Từ 6 xã, Đồng Than 6 xã, Phụng Công 10 xã, Thái Lạc 9 xã, Đa Ngu 9 xã, Đại Quan 4 xã, Hoa Cầu 6 xã, An Phú 3 xã.

Huyện Lang Tài 9 tổng 71 xã: Tổng Lang Tài 9 xã, Ngọc Tri 5 xã, Quảng Bô 6 xã, Lâm Thao 4 xã, Lương Xá 8 xã, Yên Tráng 7 xã, Ti Bà 9 xã, Đặng Xá 11 xã, Phá Lãng 12 xã, thôn.

Huyện Gia Định 8 tổng 68 xã: Tổng Tam Á 6 xã, Bình Ngô 9 xã, Đông Cứu 6 xã, Tiêu Xá 7 xã, Xuân Lai 8 xã, Quỳnh Bội 7 xã, Đại Lai 14 xã, Vạn Tư 11 xã.

Phủ Từ Sơn 5 huyện 43 tổng 30 xã, thôn, trang, trại.

Huyện Đông Ngàn: 13 tổng 96 xã: Tổng Hội Phụ 8 xã, Tuân Lệ 9 xã, Hà Lỗ 9 xã, Yên Thường 8 xã, Hạ Dương 6 xã, Dục Tú 4 xã, Mẫn Xá 6 xã, Phù Lưu 7 xã, Xuân Canh 11 xã, Phù Chân 4 xã, Nghĩa Lập 8 xã, Cồ Loa 8 xã, Tam Sơn 8 xã.

Huyện Quế Dương 9 tổng 45 xã: Tổng Đại Toán 5 xã, Lâm Sơn Nam 4 xã, Vân Mẫu 4 xã, Bồng Lai 7 xã, Trí Nhị 4 xã, Quảng Lâm 6 xã, Đào Thông 5 xã, Mộ Đạo 5 xã, Vũ Dương 5 xã.

Huyện Tiên Du 9 tổng 57 xã: Tổng Phù Đổng 3 xã, Dũng Vi 3 xã, Đại Vi 4 xã, Đông Sơn 5 xã, Thụ Triền 7 xã, Nội Duệ 10 xã, Khắc Niệm 8 xã, Chi Nê 5 xã, Nội Viên 7 xã.

Huyện Vũ Giang 6 tổng 43 xã: Tổng Đỗ Xá 8 xã, Đạo Du 4 xã, Quế Tân 6 xã, Đại Liên 7 xã, Bất Phi 7 xã, Phù Lương 11 xã.

Huyện Yên Phong 6 tổng 71 xã: Tổng Hương La 10 xã, Nội Trá 11 xã, Dũng Liệt 12 xã, Mẫn Xá 12 xã, Nguyễn Xá 10 xã, Trám Khê 16 xã.

Phù Bắc Hà 4 huyện 30 tổng 183 xã, thôn trại.

Huyện Kim Hoa 9 tổng 54 xã: Tổng Phù Lỗ 14 xã, Kim Hoa 5 xã, Đa Thượng 5 xã, Đông Đồ 5 xã, Ninh Bắc 5 xã, Cổ Bái 6 xã, Quan Đình 5 xã, Tiên Dược 5 xã, Xuân Bảng 4 xã.

Thiên Phúc 7 tổng 41 xã: Tổng Xuân Lai 5 xã, Phổ Lộng 4 xã, Đan Táo 7 xã, Yên Tàng 7 xã, Tăng Long 4 xã, Thượng Dã 7 xã, Tiểu Lễ 7 xã.

Huyện Yên Việt 5 tổng 37 xã: Tổng Đông Lỗ 6 xã, Ngọ Xá 7 xã, Tiên Lật 5 xã, Quang Biểu 10 xã, Hương Cào 9 xã.

Huyện Hiệp Hòa 9 tổng 51 xã: Tổng Đức Thắng 5 xã, Hà Nhuyễn 7 xã, Cẩm Bào 7 xã, Mai Đình 9 xã, Hoàng Vân 5 xã, Gia Đình 6 xã, Quế Trạo 5 xã, Tiên Thù 4 xã, Sơn Giao 3 xã.

Phù Lạng Giang 6 huyện 48 tổng 302 xã.

Huyện Yên Dũng 11 tổng 80 xã: Tổng Dật Ninh 8 xã, Đa Mai 7 xã, Dĩnh Sơn 8 xã, Hoàng Mai 3 xã, Mỹ Cầu 5 xã, Tụ Lan 6 xã, Ngọc Cục 5 xã, Tư Mại 6 xã, Phúc Tăng 12 xã, Cổ Dũng 10 xã, Thiết Sơn 14 xã.

Huyện Lục Ngạn 7 tổng 44 xã: Tổng Cương Sơn 5 xã, Võ Tranh 7 xã, Hà Hộ 7 xã, Mỹ Nương 7 xã, Niêm Sơn 8 xã, Kiên Lao 3 xã, Bàn Động 7 xã.

Huyện Bảo Lộc 8 tổng, 63 xã: Tổng Mỹ Thái 9 xã, Đào Quán 7 xã, Thọ Xương 7 xã, Thịnh Liệt 7 xã, Phi Mô 7 xã, Cấn Đình 7 xã, Tam Dị 8 xã, Trú Hựu 11 xã.

Huyện Yên Thế 3 tổng 41 xã: Tổng Vân Cầu 7 xã, Lan Giới 4 xã, Nhã Nam 5 xã, Mục Sơn 9 xã, Quế Nham 5 xã, Yên Lễ 6 xã, Bảo Lộc Sơn 4 xã.

Huyện Phượng Nhân 10 tổng 49 xã: Tổng Dĩnh Kế 4 xã, Thái Đào 5 xã, Đan Hội 6 xã, Sơn Đình 3 xã, Xuân Áng 7 xã, Kham Điền 3 xã, Nhảm Lũng 6 xã, Trí Yên 5 xã, Chu Điện 4 xã, Lạn Mẫu 6 xã.

Huyện Hữu Lũng 4 tổng 24 xã: Tổng Nguyễn Thượng 4 xã, Hương Vĩ 17 xã, Vân Nham 7 xã, Thốc Sơn 7 xã.



**ĐỂ XEM TOÀN TÀI LIỆU,
XIN LIÊN HỆ PHÒNG PHỤC VỤ TÀI LIỆU ĐỊA CHỈ
THƯ VIỆN TỈNH BẮC NINH**



NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI
36 HÀNG CHUỖI HÀ NỘI

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

Vi Quang Thọ

CHỊU TRÁCH NHIỆM BẢN THẢO

Trịnh Khắc Mạnh

SỬA BẢN IN

Vương Thị Hương - Nguyễn Thị Hương

TRÌNH BÀY BÌA

Lê Huy

In 500 cuốn, khổ 16 x 24cm tại Công ty Cổ phần in và thương mại Đông Bắc
Số đăng ký KHXB: 535-2008/CXB/20-30/KHXH cấp ngày 14/11/2008
In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2009.



ĐỊA PHƯƠNG CHÍ TỈNH BẮC BÌNH

Giá: 140.000đ